

Cần cách tiếp cận đột phá trong thu hút FDI vào Việt Nam

GS, TSKH. NGUYỄN MẠI

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư

Tình hình thế giới biến động khó lường, thương mại và đầu tư toàn cầu có xu hướng bất ổn, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch phục hồi, nhưng Việt Nam giữ được tăng trưởng kinh tế tương đối cao, chính trị, an sinh xã hội ổn định, thu nhập và đời sống của nhân dân được cải thiện... Bức tranh kinh tế Việt Nam có đóng góp không nhỏ của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhất là giai đoạn 2016- 2020. Tuy nhiên, Việt Nam mới thu hút FDI của khoảng 100 trong TOP 500 tập đoàn kinh tế thế giới và rất cần một cách tiếp cận mới để tạo bước đột phá trong thu hút dòng vốn nước ngoài.

DẤU ẤN VỐN FDI VÀO VIỆT NAM

Năm 2020, tính từ ngày 01/01 đến 20/11, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đạt 26,43 tỷ USD, bằng 86,1%, vốn thực hiện đạt 17,2 tỷ USD, bằng 97,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI (kể cả dầu thô) đạt 181 tỷ USD, tăng 6,6% cùng kỳ, chiếm 71,3%; kim ngạch nhập khẩu đạt 149,9 tỷ USD, tăng 9,1% cùng kỳ, chiếm 63,5% kim ngạch nhập khẩu cả nước. Khu vực FDI xuất siêu gần 32,1 tỷ USD bù đắp nhập siêu 12,7 tỷ USD của khu vực trong nước, cả nước xuất siêu 19,4 tỷ USD.

Xét trong cả giai đoạn 2011-2020 mặc dù có 4 năm (2011-2014) và năm 2020 thu hút FDI không tăng, nhưng lại có 5 năm 2015-2019, vốn FDI liên tục tăng cả về đầu tư mới, mở rộng đầu tư và nhất là mua cổ phần của nhà ĐTNN. Tổng vốn đăng ký, tăng thêm và mua cổ phần từ 2015-2019 đạt 270 tỷ USD, bằng 67,5%; vốn thực hiện đạt 156 tỷ USD, bằng 66% của vốn FDI chảy vào Việt Nam trong hơn 30 năm, từ năm 1991-2020. Bình quân vốn FDI thực hiện hàng năm chiếm khoảng 22-23% vốn đầu tư xã hội.

Khu vực FDI đóng góp vào GDP năm 2010 là 15,15%, đến năm 2015 là 18,07%; năm 2019 là 20%. So với chỉ tiêu trung bình của thế giới, khu vực FDI đóng góp vào GDP của Việt Nam cao hơn 9,4 điểm % (20% so với 10,6%).

Khu vực FDI nộp ngân sách nhà nước tăng nhanh, năm 2010 đạt 3 tỷ USD, năm 2015 đạt gần 6 tỷ USD, năm 2019 chiếm 20,28% tổng thu nội địa (không kể thu từ dầu thô và xuất nhập khẩu).

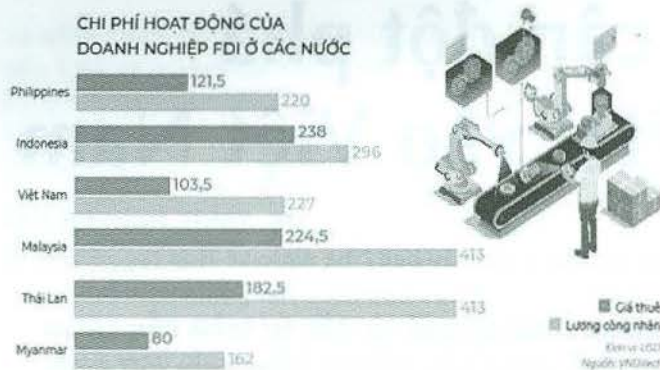
Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI từ 54,1% năm 2010, tăng lên 70,5% năm 2019; liên tục xuất siêu bù đắp nhập siêu của doanh nghiệp trong nước và tạo ra xuất siêu của quốc gia. Theo đó, đóng góp của khu vực FDI vào xuất khẩu của Việt Nam diễn ra theo xu hướng ngược với thế giới.

Tính lũy kế đến ngày 20/11/2020, nước ta đã có 32.915 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 382,9 tỷ USD, tổng vốn thực hiện 229,1 tỷ USD, bằng 59,8% tổng vốn đăng ký. Khu vực FDI tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực cụ thể.

Công nghiệp - xây dựng: Khu vực FDI chiếm trên 50% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế, như: viễn thông, khai thác dầu khí, điện tử, hóa chất, ô tô, xe máy, công nghệ thông tin, thép, xi măng, chế biến nông sản thực phẩm, da giày, dệt may... Các doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng lớn trong các ngành công nghệ cao, như: khai thác dầu khí, công nghiệp điện tử, viễn thông, thiết bị văn phòng, máy tính...

Ngành nông - lâm - ngư nghiệp: Tốc độ tăng trưởng sản lượng của khu vực FDI luôn cao hơn khu vực kinh tế trong nước đã góp phần nhất định vào việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản xuất khẩu và tiếp thu một số công nghệ tiên tiến, giống cây, giống con có năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế; tuy vậy tác động của FDI không đáng kể do tỷ trọng khu vực FDI quá nhỏ.

Ngành dịch vụ: Khu vực FDI tác động quan trọng nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng và kiểm toán với các phương thức hiện đại trong thanh toán, tín dụng, thẻ. Trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, văn phòng cho



thuê, vốn FDI đã làm thay đổi bộ mặt của một số đô thị lớn và các vùng ven biển. Nhiều khu vui chơi giải trí, như: sân golf, bowling, vui chơi có thưởng tạo ra điều kiện hấp dẫn đối với nhà đầu tư và khách quốc tế.

Ngành giáo dục, đào tạo, y tế: Tuy chưa thu hút được nhiều vốn FDI nhưng bước đầu đã hình thành được một số cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học chất lượng cao, bệnh viện, phòng khám chữa bệnh hiện đại, phục vụ nhu cầu của một bộ phận dân cư Việt Nam có thu nhập cao và người nước ngoài tại Việt Nam.

Sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), dịch vụ thương mại, kể cả bán buôn và bán lẻ, phát triển nhanh chóng, tạo ra phương thức mới trong phân phối hàng hóa, tiêu dùng và góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

Khu vực FDI đã tạo việc làm cho khoảng 4,5 triệu lao động trực tiếp và nhiều triệu lao động gián tiếp, trong đó có hàng vạn công nhân lành nghề, kỹ sư và cán bộ quản lý có trình độ cao, góp phần hình thành đội ngũ lao động cả về số lượng và chất lượng để thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

BỐI CẢNH MỚI VÀ MỤC TIÊU 2030 CỦA VIỆT NAM

Theo Hội nghị Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra làm cho vốn FDI quốc tế năm 2020 khó đạt được 1.000 tỷ USD, tức là thấp hơn rất nhiều so với năm cao nhất đạt đến 1.800 tỷ USD. Do đó, nhiều công ty xuyên quốc gia (TNCs) đang tư duy lại chiến lược thương mại và đầu tư toàn cầu theo hướng đa dạng hóa nguồn cung để giảm thiểu rủi ro, thay vì dựa chủ yếu vào Trung Quốc; đẩy nhanh xu hướng dịch chuyển doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc về nước, như: chủ trương của Chính phủ Mỹ, Nhật Bản, một phần sang nước thứ ba, trong đó Việt Nam được lựa chọn ưu tiên hàng đầu. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, đã có nhiều TNCs đạt được thỏa thuận với một số địa phương về việc di dời hàng chục doanh nghiệp FDI quy mô lớn vào Việt Nam.

Trong một chia sẻ gần đây, ông Mark Mobius, nhà sáng lập Mobius Capital Partners đã đưa ra một nhận định đáng chú ý: “Nhiều người mua và doanh nghiệp phụ thuộc vào chuỗi cung ứng ở Trung Quốc đang suy nghĩ lại và bắt đầu đa dạng hóa chuỗi cung ứng càng nhiều càng tốt, đồng thời chuyển về gần với quê nhà.

Thế nhưng, tôi nghĩ sẽ có sự đa dạng hóa chuỗi cung ứng sang những nước, như: Việt Nam, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, thậm chí là Brazil. Vì vậy, các công ty này có thể có chuỗi cung ứng được đa dạng hóa cao hơn”.

Một báo cáo của FED San Francisco cho biết, hậu quả của đại dịch có ý nghĩa tích cực đối với Việt Nam và Đông Nam Á. Cụ thể, Việt Nam đứng đầu danh sách, với 42,3% lựa chọn trong số 122 doanh nghiệp được điều tra. Xếp sau Việt Nam là Thái Lan (20,6%), Philippines (18,6%) và Indonesia (16,5%).

Đại dịch Covid-19 có thể mang lại cơ hội để Việt Nam đón nhận thêm các dự án FDI mới, trong bối cảnh dư luận quốc tế đánh giá cao sự chủ động và hiệu quả của Việt Nam trong phòng chống dịch vừa qua.

Trên cơ sở tổng kết 30 năm thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, ngày 20/8/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác ĐTNN đến năm 2030. Cách tiếp cận của Nghị quyết 50 theo xu hướng phát triển, tiệm cận chuẩn mực quốc tế và hài hoà với các cam kết quốc tế, tăng cường liên kết giữa ĐTNN và đầu tư trong nước, khuyến khích chuyển giao công nghệ và quản trị cho doanh nghiệp Việt Nam.

Nghị quyết 50 đặt nhiều mục tiêu cụ thể: *Thứ nhất*, vốn đăng ký giai đoạn 2021-2025 khoảng 150-200 tỷ USD (30-40 tỷ USD/năm); giai đoạn 2026-2030 khoảng 200-300 tỷ USD (40-50 tỷ USD/năm). *Thứ hai*, vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 khoảng 100-150 tỷ USD (20-30 tỷ USD/năm); giai đoạn 2026-2030 khoảng 150-200 tỷ USD (30-40 tỷ USD/năm). *Thứ ba*, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường, hướng đến công nghệ cao tăng 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 so với năm 2018. *Thứ tư*, tỷ lệ nội địa hoá tăng từ 20-25% hiện nay, lên mức 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030. Cùng với đó là tỷ trọng lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động từ 56% năm 2017 lên 70% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

Đối chiếu với tình hình thu hút vốn FDI của giai đoạn 2016-2020, có thể thấy, chất lượng dự án và nhà đầu tư chưa đạt được định hướng mới của Bộ Chính trị. Nếu như quy mô bình quân một dự án FDI những



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thăm gian hàng triển lãm của doanh nghiệp FDI

năm đầu thập niên thứ hai thế kỷ XXI đạt từ 8 đến 10 triệu USD, thì từ 2016 đến nay, đã giảm xuống còn một nửa. Nhiều dự án công nghiệp tại hai thành phố lớn nhất là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, nhưng có vốn đăng ký dưới 2 triệu USD. Trong điều kiện đã có gần 800.000 doanh nghiệp Việt Nam được cấp phép hoạt động, nhiều doanh nghiệp nội có đủ năng lực vốn, công nghệ, lao động thực hiện những dự án đó, thì một số địa phương lại lựa chọn nhà ĐTNN cho những dự án quy mô nhỏ. Đây là điểm rất cần xem xét thêm.

Định hướng mới đòi hỏi phải thay đổi tư duy và hành động trong việc lựa chọn đối tác và dự án FDI, chú trọng TNCs hàng đầu thế giới, thu hút nhiều hơn FDI từ Mỹ và châu Âu các dự án công nghệ hiện đại, công nghệ tương lai, dịch vụ số, giáo dục, khoa học và công nghệ liên quan đến chuyển giao công nghệ, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

CẦN CÁCH TIẾP CẬN ĐỘT PHÁ TRONG THU HÚT VỐN FDI VÀO VIỆT NAM

Thực tế, Việt Nam mới thu hút FDI của khoảng 100 tập đoàn kinh tế nằm trong top 500 TNCs hàng đầu thế giới. Đây là con số quá ít so với Thái Lan,

Malaysia, Singapore và Indonesia. Mỹ là nước đầu tư ra nước ngoài nhiều nhất, nhưng vốn đăng ký vào Việt Nam mới chỉ khoảng 10 tỷ USD; vốn thực hiện 5 tỷ USD. Dòng vốn đầu tư từ 27 nước thuộc EU vào Việt Nam cũng chỉ nhiều hơn Mỹ khoảng 30%. FDI của Mỹ và EU tại Việt Nam chưa bằng một nửa của Hàn Quốc.

Tác động lan tỏa của khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước chưa được như mong đợi. Các doanh nghiệp trong nước tham gia ngành công nghiệp hỗ trợ còn rất hạn chế, do chưa thiết lập được cơ chế kết nối cùng chia sẻ lợi ích. Một số doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của khối FDI chủ yếu ở một số khâu có giá trị gia tăng thấp. Chẳng hạn, trong ngành dệt may là cắt, may, đóng gói, trong khi thiết kế mẫu mã, bán hàng, thương hiệu là của các hãng nước ngoài.

Nguyên nhân chủ yếu là cách tiếp cận và hành động trong thu hút vốn FDI chưa có sự đổi mới phù hợp với bối cảnh mới của đất nước. Nước ta đã đạt đến mức thu nhập trung bình (thấp), đang tích cực chuyển đổi sang nền kinh tế số với khát vọng thịnh vượng để trở thành nước công nghiệp phát triển với nền kinh tế bao trùm, tăng trưởng xanh. Khát vọng này cần được thể hiện cụ thể và rõ nét trong thu hút, lựa chọn nhà đầu tư và dự án FDI theo định hướng mới.

Cách tiếp cận không thể khác là phải thích ứng với việc chuyển đổi sang nền kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, bao trùm, cũng như các cam kết của Việt Nam tại các FTA thế hệ mới. Trong định hướng xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, mục tiêu đặt ra là đến năm 2025 có 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (cho phép người dùng thanh toán lệ phí trực tuyến) được cung cấp trên nhiều phương tiện, bao gồm di động thông minh, 90% hồ sơ công việc cấp bộ, tỉnh và 80%

hồ sơ cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng. Như vậy, rất cần xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia bao gồm: dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được kết nối, chia sẻ trên toàn quốc theo hướng “dữ liệu mở” để cả doanh nghiệp và người dân cũng có thể tiếp cận và sử dụng nhưng cần ghi nhận nguồn. Cần coi dữ liệu là tài sản của người chủ sở hữu, từ đó hình thành quan hệ giữa chủ sở hữu với người sử dụng được pháp luật quy định.

Chính phủ cần có chính sách khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ internet di động 5G, đầu tư mở rộng mạng lưới cáp quang tốc độ cao và tăng băng thông internet quốc tế. Các cơ quan chức năng cần xây dựng xa lộ internet cho các dịch vụ nhiều người dùng như dịch vụ hành chính công, dịch vụ y tế, giáo dục và các dịch vụ khác. Cùng với đó, cần xây dựng thể chế cho các mô hình kinh doanh kinh tế số, trong đó sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật cho các ngành đang có nhiều mô hình kinh doanh mới, như: thương mại điện tử, tài chính số, ngân hàng số..., đồng thời hoàn thiện thể chế để thu hút đầu tư cho các công nghệ số trong các lĩnh vực đầu tư mạo hiểm, đầu tư thiên thần.

Với các chính quyền địa phương, thực hiện cơ chế phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư, chính quyền tỉnh, thành phố và ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn dự án và nhà đầu tư. Trong nền kinh tế số, chính quyền địa phương không những cần thực hiện chính phủ số theo lộ trình do Chính phủ đề ra, mà còn có thể chủ động tìm kiếm thông tin về chủ đầu tư thông qua kết nối trực tuyến toàn cầu để đánh giá đúng ý đồ, tiềm năng, sự thay đổi chiến lược thương mại và đầu tư toàn cầu của TNCs. Để lựa chọn đúng dự án và nhà đầu tư cần nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, chuyên gia giúp việc và tư vấn cho lãnh đạo địa phương để đủ sức theo dõi quá trình đàm phán, xử lý các yêu cầu của nhà đầu tư và cuối cùng là lựa chọn được nhà đầu tư đủ tiềm năng để thực hiện dự án nhanh và có hiệu quả.

Về phía các doanh nghiệp, quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp là sự đổi mới từ công nghệ, nguồn nhân lực đến quản trị doanh nghiệp, không những cần có tư duy mới và chiến lược dài hạn, mà còn cần sự quyết liệt và bản lĩnh trong từng giai đoạn phát triển. Doanh nghiệp vừa và nhỏ cần tự tin và chủ động tìm đến các tập đoàn kinh tế để tạo lập quan hệ hợp tác theo chuỗi cung ứng trên nguyên tắc cùng có lợi, tranh thủ sự hỗ trợ của TNCs để đáp ứng các yêu cầu của họ khi tham gia vào công nghiệp hỗ trợ. Từ đó, tích lũy dần vốn, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ công nghệ và nguồn nhân lực, tiếp thị để hình thành thương hiệu trên thị trường trong nước và thị trường thế giới.

Doanh nghiệp lớn, tập đoàn kinh tế, trên cơ sở phát huy lợi thế của mình, cần hình thành và mở rộng quan hệ hợp tác cùng có lợi với doanh nghiệp cùng ngành, với viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng để hỗ trợ trong việc trao đổi dữ liệu, R&D, đào tạo

và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Những doanh nghiệp lớn cần thu hút các doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ vào các chuỗi cung ứng số để tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của cộng đồng doanh nghiệp.

Doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ cần tận dụng môi trường số quốc gia, sự hợp tác với doanh nghiệp lớn và tập đoàn kinh tế để thực hiện thành công chuyển đổi số theo lộ trình thích hợp và đạt kết quả tốt.

Liên quan đến lực lượng lao động, thực tế cho thấy, kinh tế số làm thay đổi lao động của con người, một số nghề truyền thống sẽ dần biến mất, một số nghề mới ra đời, phương thức sản xuất, phân phối và tiêu dùng thay đổi, máy móc thay cho lao động của con người. Tháng 7/2016, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) nhận định: khoảng 70% lao động một số ngành nghề của Việt Nam, như: dệt may, giày dép có nguy cơ mất việc làm. Khi chuyển đổi số, người lao động phải được đào tạo lại để có kỹ năng thích ứng với công nghệ mới và cần học hỏi thường xuyên vì công nghệ luôn đổi mới.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là quá trình gắn với cuộc cải cách nền giáo dục từ phổ thông đến đại học và dạy nghề theo hướng cung cấp cho người học tư duy sáng tạo trong lao động để trở thành chủ nhân tương lai của đất nước đang hiện đại hóa. Trong xu thế đó, cần coi trọng đào tạo đội ngũ người lao động trong các ngành nghề với xu thế chuyển đổi số; đồng thời, một số lượng ít hơn kỹ sư công nghệ, chuyên viên kinh tế, nhà quản lý có trình độ cao.

Sự chuyển động theo hướng đổi mới, sáng tạo của các cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp và người lao động là điều kiện quyết định để thực hiện thành công

Nghị quyết 50/NQ-TW nêu trên của Bộ Chính trị đưa ra định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách về ĐTNN. Xét cho cùng, sự phát triển của mỗi thể chế kinh tế hay hình thái xã hội đều là vì con người và phải dựa trên sức mạnh trí thức, khả năng sáng tạo của con người. Trong tiến trình này, quốc gia nào đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ và dữ liệu, sử dụng có hiệu quả vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân sẽ có nhiều cơ hội vượt lên, xác lập vị thế mới trên trường quốc tế. □